

Các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

📌 LƯU PHƯỚC VỆ*

📌 TRẦN THỊ KIM KHÔI*

● NGÀY NHẬN BÀI: 23/2/2025 ● NGÀY BIÊN TẬP: 6/4/2025 ● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 9/4/2025



ẢNH: QUANG HUY

* TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG, ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

Tóm tắt: Sự phát triển của thị trường tài chính cùng với công nghệ số hóa đang thay đổi mạnh mẽ ngành Ngân hàng. Cuộc cạnh tranh giữa các ngân hàng trong và ngoài nước ngày càng gay gắt, đòi hỏi các ngân hàng phải đa dạng hóa để tăng cường khả năng cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro bằng cách phân tán rủi ro trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Tác giả sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán và báo cáo thường niên của 27 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2008–2022 để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập, áp dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng với phương pháp bình phương nhỏ tổng quát (GLS) khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan trong mô hình nghiên cứu, sử dụng phần mềm Stata 17 để tính toán và xử lý dữ liệu. Kết quả cho thấy, chỉ số tỷ lệ chi phí/thu nhập có mối tương quan ngược chiều, quy mô ngân hàng (SIZE) có mối tương quan tích cực, trong khi đó ROA, CAR, tốc độ tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát lại không có ý nghĩa về mặt thống kê ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Thu nhập, đa dạng hóa, ngân hàng thương mại

FACTORS AFFECTING INCOME DIVERSIFICATION IN VIETNAM COMMERCIAL BANKS

Abstract: The development of financial market along with the drastic change of digital technology is strongly changing the banking sector, the competition between domestic and foreign banks is increasingly fierce, forcing banks to diversify to increase competitiveness, minimize risks by spreading risks in many different areas. The authors use audited financial statements and annual reports of 27 commercial banks in the period 2008-2022 to evaluate the factors affecting income diversification, applying panel data regression model with generalized least squares (GLS) method to overcome the phenomenon of heteroscedasticity and autocorrelation in the research model, using Stata 17 software to calculate and process data. The results show that the cost/income ratio index has a negative correlation, the bank size (SIZE) has a positive correlation, while ROA, CAR, GDP growth rate and inflation rate have no statistical significance in affecting income diversification of Vietnamese commercial banks.

Keywords: Income, diversification, commercial banking

1. GIỚI THIỆU

Khi nền kinh tế biến động, hoạt động cho vay có thể bị ảnh hưởng, dẫn đến giảm thu nhập. Đa dạng hóa giúp ngân hàng bù đắp sự thiếu hụt này bằng cách sử dụng các nguồn thu khác. Các dịch vụ phi tín dụng như thu phí, tư vấn tài chính, bảo hiểm rủi ro và quản lý tài sản... có thể mang lại lợi nhuận cao hơn cho hoạt động cho vay truyền thống và trong môi trường cạnh tranh gay gắt, đa dạng hóa giúp ngân hàng tạo ra sự khác biệt, thu hút và giữ chân khách hàng do khách hàng ngày càng có nhu cầu đa dạng về sản phẩm và dịch vụ tài chính. Do đó, đa dạng hóa giúp ngân hàng đáp ứng tốt hơn những nhu cầu này, trong đó đa dạng hóa thu nhập là một xu hướng tất yếu của các ngân hàng thương mại trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng

phát triển và cạnh tranh. Tuy nhiên, để thực hiện thành công chiến lược này, các ngân hàng cần nhận biết được các nhân tố nào ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa. Vì vậy, việc nghiên cứu nội dung này là cần thiết.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Phan Thu Hằng, Trần Minh Ngọc và Phạm Minh Vương (2023) xem xét mối quan hệ giữa đa dạng hóa thu nhập và quy mô ngân hàng thương mại tại Việt Nam, áp dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng với mẫu gồm 23 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2012–2020, kết quả cho thấy quy mô ngân hàng có tác động tích cực đến mức độ đa dạng hóa thu nhập. Đồng thời, quy mô có tác động lớn hơn đến sự đa dạng hóa thu nhập tại các ngân hàng lớn so với các

ngân hàng nhỏ. Nguyen, Perera và Skully (2016) cung cấp bằng chứng đầu tiên cho thấy các ngân hàng châu Phi có sức mạnh thị trường lớn hơn trong thị trường cho vay và tiền gửi kiếm được nhiều hơn từ các hoạt động phi truyền thống. Điều này phù hợp với khả năng của các ngân hàng thống lĩnh trong việc xác định các cơ hội phi truyền thống tốt hơn và sử dụng năng lực thương lượng lớn hơn của họ trong việc tạo hợp đồng. Meng, Cavoli và Deng (2018) cho thấy, đa dạng hóa ngân hàng phản ánh nhiều khả năng quản lý khác nhau: rủi ro mất khả năng thanh toán, chi phí, vị thế vốn, quy mô tài sản và cơ cấu sở hữu. Tỷ lệ tài sản ngân hàng trên tổng sản phẩm quốc nội lớn hơn và chênh lệch lãi suất thấp hơn dẫn đến mức độ đa dạng hóa cao hơn. Hơn nữa, các ngân hàng quốc gia



Trong môi trường cạnh tranh gay gắt, đa dạng hóa giúp ngân hàng tạo ra sự khác biệt, thu hút và giữ chân khách hàng do khách hàng ngày càng có nhu cầu đa dạng về sản phẩm và dịch vụ tài chính

và ngân hàng khu vực có phản ứng chiến lược khác nhau đối với môi trường kinh tế vĩ mô và thực tế là môi trường pháp lý. Nghiên cứu của Duho, Onumah và Asare (2020) cho thấy, hồ sơ rủi ro và danh mục rủi ro của các ngân hàng ảnh hưởng đến chiến lược đa dạng hóa của họ. Các ngân hàng đối mặt với rủi ro mất khả năng thanh toán và rủi ro thanh khoản cao có xu hướng đa dạng hóa trong khi các ngân hàng đối mặt với rủi ro tín dụng thấp cũng có xu hướng đa dạng hóa. Các ngân hàng ổn định có xu hướng áp dụng chiến lược đa dạng hóa ngay khi gặp rủi ro tín dụng. Ashraf, Nazir, U-Din, Yaqoob và Shahzad (2023) cung cấp bằng chứng cho thấy quy mô ngân hàng, quyền sở hữu, tỷ lệ an toàn vốn, biên lãi ròng, tỷ lệ cho vay trên tài sản, thanh toán lãi và chất lượng quản lý là những yếu tố tác động đến thu nhập ngoài lãi. Hơn nữa, sự tập trung thị trường, chính

sách lãi suất và tổng sản phẩm quốc nội thực tế cũng được cho là có ảnh hưởng đáng kể đến đa dạng hóa thu nhập. Các ngân hàng nước ngoài đang kiếm được nhiều thu nhập ngoài lãi hơn các ngân hàng trong nước, trong khi đó, các ngân hàng trong nước đang tập trung vào chức năng trung gian truyền thống. Nghiên cứu của Thakur và Arora (2024) cho thấy, đa dạng hóa thu nhập bị ảnh hưởng tích cực bởi quy mô ngân hàng, tiến bộ công nghệ, tỷ lệ chi phí trên thu nhập, lợi nhuận trên tài sản, cạnh tranh thị trường và lạm phát trong nền kinh tế. Tuy nhiên, quyết định đa dạng hóa nguồn thu nhập bị ảnh hưởng tiêu cực bởi tỷ lệ vốn, GDP và tỷ lệ trung gian tài chính. Hơn nữa, các yếu tố như chất lượng tài sản (dự phòng rủi ro cho vay) và tỷ lệ thanh khoản không ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược đa dạng hóa trong ngành Ngân hàng.

3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Dữ liệu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ báo cáo tài chính đã kiểm toán và báo cáo thường niên của 27 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2008–2022. Tác giả lựa chọn các ngân hàng này vì có số liệu báo cáo tài chính đầy đủ, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài ra, dữ liệu cũng được thu thập từ trang web <http://finance.vietstock.vn>, từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các trang web của các ngân hàng thương mại được nghiên cứu, dữ liệu về GDP và lạm phát thu thập từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Phát triển châu Á. Sau khi thu thập, dữ liệu được nhập vào file Excel, mã hóa, tiến hành làm sạch dữ liệu để phát hiện lỗi, các ô trống thiếu thông tin, thông tin sai và

BẢNG 1. MÔ TẢ CÁC BIẾN

Biến nghiên cứu	Cách đo lường	Kỳ vọng	Nguồn tham khảo
1. Biến phụ thuộc			
Đa dạng hóa thu nhập	$DIV = 1 - (SH_{NET}^2 + SH_{NON}^2)$ $SH_{NET} = (NET/NET+NON)$ $SH_{NON} = (NON/NET+NON)$		(Thomas, 2002), (Morgan và Samolyk, 2003), (Stiroh, 2004)
2. Biến độc lập			
Quy mô ngân hàng	Ln (tổng tài sản)	+	(Duho và cộng sự, 2020), (Gupta và Kashiramka, 2020), (Zheng và Cronje, 2019), (Tra, Lin, & Nguyen, 2016), (Nguyễn Phan Thu Hằng và cộng sự, 2023), (Ashraf và cộng sự, 2023), (Thakur và Arora, 2024)
Tỷ lệ chi phí trên thu nhập	(Tổng chi phí/tổng thu nhập) x 100%	-	(Gupta và Kashiramka, 2020), (Zheng và Cronje, 2019), (Banna và Alam, 2021)
ROA	Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	+	(Pennathur, Subrahmanyam, & Vishwasrao, 2012) (Thakur và Arora, 2024)
CAR	(Vốn tự có/tổng tài sản có rủi ro) x 100%	+	(Gupta và Kashiramka, 2020), (Zheng và Cronje, 2019) (Thakur và Arora, 2024)
3. Biến kiểm soát			
Tốc độ tăng trưởng GDP	$(GDP_t - GDP_{t-1}) / GDP_{t-1}$	+	(Gupta và Kashiramka, 2020), (Zheng và Cronje, 2019), (Banna và Alam, 2021)
Tỷ lệ lạm phát	$(CPI_t - CPI_{t-1}) / CPI_{t-1}$	-	(Gupta và Kashiramka, 2020), (Zheng và Cronje, 2019), (Banna và Alam, 2021)

(Nguồn: tác giả tổng hợp)

hoàn thiện ma trận dữ liệu.

3.2. Biến nghiên cứu

Các biến nghiên cứu được mô tả tại Bảng 1.

3.3 Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước đây, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu:

$$Y_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 X_{1i,t} + \beta_2 X_{2i,t} + \beta_3 X_{3i,t} + \beta_4 X_{4i,t} + \beta_5 R_{GDP} + \beta_6 I_{NF} + \epsilon_{it}$$

$Y_{i,t}$ = đa dạng hóa thu nhập ngân hàng i năm thứ t

β_0 = Hệ số chặn

β_{1-6} : Hệ số hồi quy của các biến độc lập, biến kiểm soát.

Các chữ cái i và t lần lượt đại diện cho các mã định danh ngân hàng và thời gian

$X_{1i,t}$: Quy mô ngân hàng i năm thứ t = Ln tổng tài sản

$X_{2i,t}$: Tỷ lệ chi phí trên thu nhập ngân hàng i năm thứ t = Tổng chi phí hoạt động/thu nhập hoạt động

$X_{3i,t}$: Lợi nhuận trên tài sản (ROA) ngân hàng i năm thứ t = Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân

$X_{4i,t}$: Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) ngân hàng i năm thứ t = Vốn tự có/

tổng tài sản có rủi ro

* RGDP = Thay đổi GDP thực so với năm trước

* INFLATION: Thay đổi lạm phát so với năm trước

* ϵ_{it} : phần dư

Nghiên cứu áp dụng mô hình hồi quy dữ liệu bảng, sử dụng phương pháp bình phương nhỏ tổng quát (GLS) để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan trong mô hình nghiên cứu. Tác giả sử dụng phần mềm Stata 17 để tính toán và xử lý dữ liệu theo mô hình.

BẢNG 2. KIỂM TRA ĐA CỘNG TUYẾN

Variable	VIF	1/VIF
ROA	7.25	0.137869
CostIncome~s	6.64	0.150700
CAR	2.28	0.438268
Size	1.99	0.502681
INF	1.33	0.752387
GDP	1.01	0.989180
Mean VIF	3.42	

(Nguồn: tính toán của tác giả)

BẢNG 3. KẾT QUẢ GLS

	DIV	Coefficient	Std. err.	z	P> z	[95% conf. interval]
CostIncomeRatios		-.0030404	.0013965	-2.18	0.029	-.0057776 -.0003033
Size		.0278734	.0060963	4.57	0.000	.0159249 .0398219
ROA		-.0002097	.0001993	-1.05	0.293	-.0006002 .0001809
CAR		.0023625	.0020567	1.15	0.251	-.0016685 .0063935
GDP		-.0047091	.0035889	-1.31	0.189	-.0117433 .0023251
INF		-.0005136	.0011062	-0.46	0.642	-.0026817 .0016544
_cons		.119008	.1886467	0.63	0.528	-.2507328 .4887487

Wald chi2(6) = 54.17 và Prob > chi2 = 0.0000

(Nguồn: tính toán của tác giả)

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đa cộng tuyến cũng được kiểm tra thông qua kiểm định VIF, xác nhận rằng giá trị VIF của bất kỳ biến nào được đề cập ở trên không vượt quá 10 nên không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Kiểm tra phương sai thay đổi và tự tương quan

Cả hai bài kiểm tra đều chứng minh sự tồn tại của phương sai thay đổi ($P = 0,000 < \alpha$) và tự tương quan ($P = 0.000 < \alpha$) trong các mô hình. Để giải quyết các vấn đề này, nhóm tác giả sử dụng mô hình ước tính bình phương tối thiểu tổng quát (GLS) để thực hiện phân tích hồi quy.

Chỉ số tỷ lệ chi phí/thu nhập có mối tương quan ngược chiều với sự đa dạng hóa thu nhập và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, kết quả này phù hợp với kết luận của các nghiên cứu của Gupta và Kashiramka (2020), Zheng và Cronje (2019), Banna và Alam (2021). Tăng một đơn vị trong tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập dẫn đến chỉ số đa dạng hóa thu nhập giảm 0,3% hay cũng ngụ ý rằng khi các ngân hàng thực hiện giảm các khoản mục chi phí sẽ làm cơ sở tăng đa dạng hóa các nguồn thu nhập.

Quy mô ngân hàng (SIZE) có mối tương quan tích cực với sự đa dạng hóa thu nhập và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết quả này phù hợp với kết luận của các nghiên cứu trước đây, chẳng hạn như Nguyen và cộng sự (2016), Meng và cộng sự (2018), Duho và cộng sự, (2020), Nguyễn Phan Thu Hằng và cộng sự (2023), Ashraf và cộng sự (2023), Thakur và Arora (2024). Theo kết quả của Bảng 3, khi tăng một đơn vị về quy mô (được đo bằng logarit của tổng tài sản) dẫn đến mức tăng 2,78% trong chỉ số đa dạng hóa thu nhập đối với các ngân hàng.

Chỉ tiêu ROA không có ý nghĩa về mặt thống kê, trái ngược với các nghiên cứu của Pennathur và cộng sự (2012), Thakur và Arora (2024). Điều này cho thấy, khi các ngân hàng trở nên có lợi nhuận hơn thì

họ không có động lực để tìm kiếm các cơ hội sinh lời mới trong các phân khúc thị trường phi lãi suất khác.

Hệ số CAR không có ý nghĩa về mặt thống kê, trái ngược với các nghiên cứu của Gupta và Kashiramka (2020), Zheng và Cronje (2019), Thakur và Arora (2024) cho thấy, các ngân hàng có bản chất sợ rủi ro và đầu tư vào các danh mục đầu tư an toàn hơn và có thu nhập thấp hơn. Do đó, mức CAR cao đã hạn chế khả năng cạnh tranh của họ trên nhiều thị trường tài chính khác nhau.

Sự biến động GDP và lạm phát được xem là yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa nhưng trong phạm vi nghiên cứu này thì yếu tố này lại không có ý nghĩa về mặt thống kê, trái ngược với các nghiên cứu của Banna và Alam (2021); Gupta và Kashiramka (2020); Zheng và Cronje (2019).

5. GIẢI PHÁP

Để hoạt động đa dạng hóa thu nhập ngân hàng ngày càng hiệu quả, đòi hỏi sự phối hợp giữa các chính sách vĩ mô và các giải pháp vi mô một cách cụ thể:

5.1. Đối với cơ quan quản lý

- Hoàn thiện khung pháp lý:

+ Nhanh chóng kiểm soát và xem xét điều chỉnh các quy định pháp luật hiện hành để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động mở rộng ngân hàng sang các mảng kinh doanh mới, đồng thời kiểm soát rủi ro hiệu quả. Cụ thể, cần xem xét giải trừ các quy định về giới hạn đầu tư, tỷ lệ sở hữu vốn trong các công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng và phi ngân hàng.

+ Xây dựng các quy định rõ ràng về quản lý rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh mới, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ tài chính (Fintech).

- Phát triển thị trường tài chính:

+ Thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản... nhằm tạo ra nhiều cơ hội đầu tư và kinh doanh cho các ngân hàng.

+ Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, tạo điều kiện cho các ngân hàng tham gia đầu tư và phát triển các sản phẩm tài chính mới.

- Tăng cường năng lực giám sát:

+ Nâng cao năng lực của Ngân



Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính hiện đại

hàng Nhà nước trong việc giám sát hoạt động đa dạng hóa của các ngân hàng, đặc biệt là trong việc đánh giá và quản lý rủi ro.

+ Áp dụng các công cụ giám sát hiện đại, tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giám sát ngân hàng.

- Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh:

+ Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các ngân hàng trong nước và ngân hàng nước ngoài, giữa các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ Khuyến khích sự đổi mới sáng tạo trong hoạt động ngân hàng, cung cấp ứng dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả hoạt động

và đa dạng hóa thu nhập.

5.2 Giải pháp đối với ngân hàng thương mại

-Đổi mới mô hình kinh doanh:

+ Các ngân hàng cần chủ động nghiên cứu, phát triển và phát triển các mô hình kinh doanh mới, phù hợp với xu hướng phát triển thị trường và sát nhu cầu của khách hàng.

+ Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hoạt động và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính hiện đại.

+ Phát triển các dịch vụ ngân hàng số, ngân hàng điện tử, thanh toán di động...

- Nâng cấp nguồn nhân lực chất lượng:

+ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý có kiến thức chuyên môn và kỹ năng quản lý rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh mới.

+ Thu hút nhân tài từ các lĩnh vực khác như công nghệ, tài chính, quản trị kinh doanh...

- Hợp tác và liên kết:

+ Tăng cường hợp tác với các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, công ty Fintech, doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác để mở rộng mạng lưới khách hàng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng.

+ Tham gia vào các liên minh, Hiệp hội Ngân hàng để trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin và hợp tác kinh doanh ♦

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Acharya, V. V., Hasan, I., & Saunders, A. (2006). Should banks be diversified? Evidence from individual bank loan portfolios. *The Journal of Business*, 79(3), 1355-1412.
- Ashraf, Y., Nazir, M. S., U-Din, S., Yaqoob, M. S., & Shahzad, A. (2023). What determines income diversification of banking firms in Pakistan? *International Journal of Business Excellence*, 30(1), 1-16.
- Banna, H., & Alam, M. R. (2021). Impact of digital financial inclusion on ASEAN banking stability: implications for the post-Covid-19 era. *Studies in Economics and Finance*, 38(2), 504-523.
- Berger, A. N., Hasan, I., & Zhou, M. (2010). The effects of focus versus diversification on bank performance: Evidence from Chinese banks. *Journal of Banking & Finance*, 34(7), 1417-1435.
- Chiorazzo, V., Milani, C., & Salvini, F. (2008). Income diversification and bank performance: Evidence from Italian banks. *Journal of Financial Services Research*, 33(3), 181-203.
- Duho, K. C. T., Onumah, J. M., & Asare, E. T. (2020). Determinants and convergence of income diversification in Ghanaian banks. *Journal of Research in Emerging Markets*, 2(2), 34.
- Gupta, J., & Kashiramka, S. (2020). Financial stability of banks in India: does liquidity creation matter? *Pacific-Basin Finance Journal*, 64, 101439.
- Hồ Thị Hồng Minh, & Nguyễn Thị Cảnh. (2015). Đa dạng hóa thu nhập và các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 106(107), 13-24.
- Huỳnh Japan, & Đặng Văn Dân. (2021). Loan portfolio diversification and bank returns: Do business models and market power matter? *Cogent Economics & Finance*, 9(1), 1891709.
- Lee, C.-C., Yang, S.-J., & Chang, C.-H. (2014). Non-interest income, profitability, and risk in banking industry: A cross-country analysis. *The North American Journal of Economics and Finance*, 27, 48-67.
- Meng, X., Cavoli, T., & Deng, X. (2018). Determinants of income diversification: evidence from Chinese banks. *Applied Economics*, 50(17), 1934-1951.
- Mercieca, S., Schaeck, K., & Wolfe, S. (2007). Small European banks: Benefits from diversification? *Journal of Banking & Finance*, 31(7), 1975-1998.
- Morgan, D. P., & Samolyk, K. (2003). Geographic diversification in banking and its implications for bank portfolio choice and performance. Unpublished paper, Federal Reserve Bank of New York.
- Nguyen, M., Perera, S., & Skully, M. (2016). Bank market power, ownership, regional presence and revenue diversification: Evidence from Africa. *Emerging Markets Review*, 27, 36-62.
- Nguyễn Phan Thu Hằng, Trần Minh Ngọc, & Phạm Minh Vương. (2023). The impact of size on income diversification: an empirical study on commercial banks in Vietnam. *Future Business Journal*, 9(1), 91.
- Pennathur, A. K., Subrahmanyam, V., & Vishwasrao, S. (2012). Income diversification and risk: Does ownership matter? An empirical examination of Indian banks. *Journal of Banking & Finance*, 36(8), 2203-2215.
- Stroh, K. J. (2004). Do community banks benefit from diversification? *Journal of Financial Services Research*, 25, 135-160.
- Thakur, N., & Arora, S. (2024). Determinants of income diversification: empirical evidence from Indian banks. *International Journal of Law and Management*, 66(2), 195-215.
- Thomas, S. (2002). Firm diversification and asymmetric information: evidence from analysts' forecasts and earnings announcements. *Journal of Financial Economics*, 64(3), 373-396.
- Tra, V. T., Lin, C.-T., & Nguyen, H. (2016). Liquidity creation, regulatory capital, and bank profitability. *International Review of Financial Analysis*, 48, 98-109.
- Zheng, C., & Cronje, T. (2019). The moderating role of capital on the relationship between bank liquidity creation and failure risk. *Journal of Banking & Finance*, 108, 105651.
- <https://kiadb.adb.org/economies/viet-nam>